TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2017/HNGĐ-PT
Ngày: 28-8-2017
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Công Đường

Bà Nguyễn Thị Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Bùi Hồng Nam - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2017/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2017 về ly hôn.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 52/2017/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2017/QĐ-PT ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh K, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị D – sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ liên lạc: Tổ dân phố L, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Bà Nguyễn Thị D có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Lê Hữu Đ – sinh năm 1980

Địa chỉ: Quân chủng H.

Ông Lê Hữu Đ có mặt.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/4/2017, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà và ông Lê Hữu Đ kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Bà D nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Đ.

Về con chung: Bà và ông Lê Hữu Đ có 01 con chung là Lê Hữu M, sinh ngày 01/01/2014, bà yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11/5/2017, ngày 24/5/2017, biên bản hòa giải và quá trình giải vụ quyết vụ án, bị đơn ông Lê Hữu Đ trình bày:

Về quá trình kết hôn và con chung ông thống nhất như bà D trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến ngày 07/4/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà D ngoại tình và bị ông phát hiện. Bà D đã thừa nhận việc bà có tình cảm với người khác. Sau đó, bà D đã viết đơn ly hôn và đồng ý giao con chung cho ông nuôi với lý do bà không đủ phẩm chất đạo đức và không đủ kinh tế để nuôi con. Hiện nay, bà D chưa có công việc và chỗ ở ổn định, bà D thừa nhận mình có bệnh tật không đủ sức khỏe để nuôi con chung. Ngày 08/4/2017, bà D đã bỏ nhà ra đi và không quan tâm gì tới con. Hiện cháu M đang ở với ông.

Ông Đ đồng ý ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông và bà D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 52/2017/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa đã căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; tuyên xử:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Lê Hữu Đ.

- Về con chung: Ông Lê Hữu Đ được trực tiếp nuôi con chung là Lê Hữu M, sinh ngày 01/01/2014. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đ không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về tài sản, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 14/7/2017, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D có đơn kháng cáo đề nghị được nuôi con chung sau khi ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; bị đơn không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo quy định tại Điều 71 và Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên và việc giao con cho một bên trực tiếp nuôi phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Ông Đ có công việc, thu nhập ổn định, có chỗ ở ổn định, có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con. Trong khi đó, bà D không có công việc ổn định, hiện đang ở nhà thuê. Việc giao con cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng tại thời điểm hiện nay là không đảm bảo về mọi mặt đối với cháu M. Tòa án cấp sơ thẩm giao con chung Lê Hữu M cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cháu; kháng cáo của bà D không được chấp nhận.

[2] Do Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà D và giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị D, giữ nguyên bản án sơ thẩm như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị D được ly hôn ông Lê Hữu Đ.

2. Về con chung: Giao cho ông Lê Hữu Đ trực tiếp nuôi con chung là Lê Hữu M, sinh ngày 01/01/2014. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà Nguyễn Thị D do ông Đ không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Lê Hữu Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm và 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0011605 ngày 17/4/2017 và số AA/2016/0011824 ngày 27/7/2017 đều của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Như vậy, bà Nguyễn Thị D đã nộp đủ án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- UBND xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Hiền